

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04-05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-36

M.S.D.N - 01

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kim khí Thăng Long theo Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần đầu ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Hùng	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thanh	Ủy viên
Ông Lê Chí Liêm	Ủy viên
Ông Hồ Quốc Bình	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hồng Vân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Chí Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Quỳnh Châu	Thành viên
Ông Đinh Mạnh Hùng	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THĂNG LONG

Phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Phạm Hồng Thanh**

C.T.  
TY  
HỮU  
HẠN  
KIỂM  
TOÁN  
AS  
KIỂM

Số: 1243/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04, Công ty đang ghi nhận khoản tăng vốn Nhà nước tương ứng với lợi nhuận để lại không phân chia lũy kế đến năm 2008 của Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Goshi Thăng Long tại khoản mục "Các khoản phải thu khác", số tiền 74,15 tỷ đồng. Theo quy định hiện hành, khoản tăng vốn Nhà nước do xác định lại giá trị khoản đầu tư theo Quyết định phê duyệt giá trị cổ phần hóa này cần được ghi nhận tại khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh", do đó việc ghi nhận của Công ty làm giảm khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" và tăng khoản mục "Phải thu khác" số tiền tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề như mô tả ở trên và các ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc về việc: Tại thời điểm 30/06/2014, số dư quỹ khen thưởng phúc lợi là âm 18,763 tỷ VND, trong đó khoản dư âm 18,516 tỷ VND do trích và chi quỹ khen thưởng phúc lợi vượt quá mức được trích trong các năm 2007, 2008 theo quyết định số 5893/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kim khí Thăng Long thành Công ty Cổ phần Kim khí Thăng Long.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Quang Mậu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>749.308.097.247</b>	<b>775.764.892.724</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>20.149.628.299</b>	<b>4.003.591.986</b>
111	1. Tiền		15.149.628.299	4.003.591.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>200.715.712.435</b>	<b>252.572.726.926</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		76.450.767.307	86.898.634.813
132	2. Trả trước cho người bán		43.282.807.186	38.267.910.426
135	5. Các khoản phải thu khác	4	84.398.002.610	130.822.046.355
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.415.864.668)	(3.415.864.668)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>509.520.406.347</b>	<b>506.926.074.625</b>
141	1. Hàng tồn kho		509.520.406.347	506.926.074.625
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>18.922.350.166</b>	<b>12.262.499.187</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.031.310.057	4.953.365.959
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.134.887.850	736.297.614
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	3.334.697.304	3.291.449.074
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	3.421.454.955	3.281.386.540
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>492.690.372.134</b>	<b>506.098.357.200</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>397.808.155.648</b>	<b>405.885.667.945</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	174.887.015.299	183.495.492.795
222	- Nguyên giá		608.810.763.472	601.453.343.898
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(433.923.748.173)	(417.957.851.103)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	9.908.512.359	11.192.411.907
225	- Nguyên giá		11.993.606.370	11.993.606.370
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.085.094.011)	(801.194.463)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	18.352.290.041	18.387.907.181
228	- Nguyên giá		19.306.685.506	19.306.685.506
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(954.395.465)	(918.778.325)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	194.660.337.949	192.809.856.062
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>57.566.629.400</b>	<b>57.566.629.400</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		57.104.129.400	57.104.129.400
258	3. Đầu tư dài hạn khác		462.500.000	462.500.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>37.315.587.086</b>	<b>42.646.059.855</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	36.850.587.086	42.241.059.855
268	3. Tài sản dài hạn khác		465.000.000	405.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.241.998.469.381</b>	<b>1.281.863.249.924</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>999.497.981.676</b>	<b>1.021.519.888.029</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>826.182.107.717</b>	<b>850.846.414.365</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	437.418.657.165	452.771.557.525
312	2. Phải trả người bán		150.091.767.377	172.303.519.485
313	3. Người mua trả tiền trước		3.111.743.470	4.173.028.864
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.141.096.586	5.934.704.054
315	5. Phải trả người lao động		12.917.927.048	14.217.026.362
316	6. Chi phí phải trả	16	2.200.019.747	3.268.437.013
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	233.064.000.469	220.260.300.681
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	(18.763.104.145)	(22.082.159.619)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>173.315.873.959</b>	<b>170.673.473.664</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	19	765.000.000	765.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	20	66.436.077.718	67.399.788.719
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		106.114.796.241	102.508.684.945
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>242.500.487.705</b>	<b>260.343.361.895</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>241.978.226.689</b>	<b>259.821.100.879</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		192.000.000.000	192.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		217.386.850	217.386.850
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.725.496.152	1.725.496.152
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		12.149.288.688	7.386.782.300
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.196.316.866	7.815.063.672
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.689.738.133	50.676.371.905
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>522.261.016</b>	<b>522.261.016</b>
432	1. Nguồn kinh phí		522.261.016	522.261.016
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.241.998.469.381</b>	<b>1.281.863.249.924</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	116.852,15	19.999,56

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

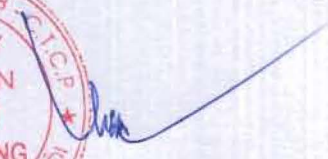
Tổng Giám đốc



Chu Thị Thanh Mai



Vũ Thị Hồng Vân



Phạm Hồng Thanh



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	412.328.492.028	474.796.432.393
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	277.036.500	140.607.837
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.051.455.528	474.655.824.556
11	4. Giá vốn hàng bán	24	363.538.516.151	419.450.918.413
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.512.939.377	55.204.906.143
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	10.810.981.287	158.400.222
22	7. Chi phí tài chính	26	23.742.543.351	26.256.488.530
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.718.121.702	22.928.088.609
24	8. Chi phí bán hàng	27	1.468.588.552	1.227.001.436
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	29.859.912.016	25.843.462.840
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.252.876.745	2.036.353.559
31	11. Thu nhập khác		71.942.434	6.711.160.150
32	12. Chi phí khác		144.086.981	5.456.622.849
40	13. Lợi nhuận khác		(72.144.547)	1.254.537.301
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.180.732.198	3.290.890.860
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	822.722.715
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.180.732.198</u>	<u>2.468.168.145</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	218	129

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

Chu Thị Thanh Mai

Vũ Thị Hồng Vân

Phạm Hồng Thanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		452.819.295.964	514.081.679.958
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(362.322.218.827)	(414.136.429.863)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(69.520.507.223)	(72.308.591.787)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(23.347.535.484)	(23.976.879.460)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(49.548.230)	(3.636.364)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.435.789.947	4.784.152.673
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.031.928.763)	(20.585.765.208)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(14.016.652.616)</b>	<b>(12.145.470.051)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.402.369.643)	(19.159.721.856)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.219.177.941
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(462.500.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55.313.727.714	35.230.463.652
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>49.911.358.071</b>	<b>16.827.419.737</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		374.658.889.103	408.999.465.267
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(389.884.752.973)	(405.993.433.433)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.164.136.466)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.358.668.806)	(431.569.300)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(19.748.669.142)</b>	<b>2.574.462.534</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>16.146.036.313</b>	<b>7.256.412.220</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		4.003.591.986	4.364.155.132
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<b>20.149.628.299</b>	<b>11.620.567.352</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chu Thị Thanh Mai

Vũ Thị Hồng Vân

Phạm Hồng Thanh

